

# **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC LINH**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110114810

**3. Ngày thành lập:** 12/09/2022

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

khu 2, thôn Văn Lôi, Xã Tam Đồng, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983638897

Fax:

Email: *Nguyenvanthu05111987@gmail* Website:  
.com

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>– Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng ;<br>– Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc; Xây gạch và đặt đá; Lợp mái bao phủ toà nhà; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Chống ẩm các toà nhà                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4390        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn cát, sỏi, kính phẳng, xi măng, đá ốp lát các loại trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4663        |
| 6.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang chí nội - ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410        |
| 7.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4101(Chính) |
| 8.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4102        |
| 9.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4211        |
| 10. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4212        |
| 11. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4221        |
| 12. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4222        |
| 13. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4229        |
| 14. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4291        |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4299        |
| 16. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311        |
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312        |
| 18. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## **7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ BÌNH | Việt Nam  | khu 2, thôn Văn Lôi, Xã Tam Đồng, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 500.000.000           | 10,000    | 001189041432                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN THỨ  | Việt Nam  | khu 2, thôn Văn Lôi, Xã Tam Đồng, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 4.500.000.000         | 90,000    | 001087023206                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THỨ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/11/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087023206

Ngày cấp: 08/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu 2, thôn Văn Lôi, Xã Tam Đồng, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu 2, thôn Văn Lôi, Xã Tam Đồng, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội